TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ V **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/DS–ST
Ngày: 21-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ V, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Khả L, sinh năm 1972;

1.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 và ông Đinh Đức Đ sinh, năm 1986, cùng địa chỉ: Nhà công vụ số D11, đường Độc L, khu phố Thống N, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1974;

2.2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số 17/L4 đường Phan Huy I, Phường 14, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hương G, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 110 đường Cầu x, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, bà G có mặt, ông Đ vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Đức Đ trình bày:

Do quen biết nhau từ trước nên ngày 29/3/2021, vợ chồng ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A có ký hợp đồng vay tài sản số: 2910 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang để vay của vợ chồng ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T số tiền: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 29/3/2021 đến ngày 29/3/2022), lãi suất thỏa thuận (theo quy định của pháp luật). Ngay sau khi ký hợp đồng, ông H và bà A đã nhận đủ số tiền: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) của ông L và bà T.

Tiếp đó, ngày 28/5/2021, vợ chồng ông H, bà A tiếp tục ký hợp đồng vay tài sản số: 5739 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang vay thêm của ông L, bà T số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay là: 12 tháng (từ ngày 28/5/2021 đến ngày 28/5/2022), lãi suất thỏa thuận (theo quy định của pháp luật). Ngay sau khi ký hợp đồng, ông L và bà A đã nhận đủ số tiền: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng của ông L và bà T.

Sau đó, khoảng tháng 7/2021, ông H và bà A đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Như vậy, số tiền nợ còn lại là: 700.000.000 (Bảy trăm triệu đồng).

Quá trình thực hiện hai hợp đồng vay tài sản trên, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng và ông H và bà A đã thanh toán được gần hết số tiền lãi trong hạn bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Tuy nhiên, đến ngày đáo hạn của hai hợp đồng vay nêu trên (ngày 30/3/2022 và ngày 28/5/2022) ông H và bà A không thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn dù nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán.

Do đó, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của cả hai hợp đồng vay tài sản là: 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và lãi phát sinh như sau:

- Theo Hợp đồng vay tiền số: 2910 tính từ ngày 30/3/2022 đến ngày 21/6/2023 với lãi suất quá hạn là 2,49%/tháng như sau: 300.000.000 VNĐ x 2,49% x 14 tháng 22 ngày = 110.058.000 đồng (Một trăm mười triệu không trăm năm mươi tám ngàn) đồng;

- Theo Hợp đồng vay tiền số: 5739 tính từ ngày 29/5/2022 đến ngày 21/6/2023 với lãi suất quá hạn là 2,49%/tháng như sau: 400.000.000 VNĐ x 2,49% x 12 tháng 23 ngày = 127.156.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu ngàn) đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính đến ngày 21/6/2023 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: 937.214.000 đồng (Chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm mười bốn ngàn) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/02/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân quận Gò V ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2023 "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản (Mua bán, tặng cho, chuyển nhượng, cho mượn, cho thuê, cho ở nhờ, thế chấp, góp vốn) đối với tài sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, diện tích là 560m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 690042, số vào sổ cấp GCN: CS 05952 ngày 12/9/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A.

- Bị đơn ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A do bà Nguyễn Hương G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/3/2021, ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A cùng với ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T có lập Hợp đồng vay tài sản số công chứng 2910, quyển số 03/2021 TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang, địa chỉ: số 12 Trần Hưng Đạo, thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, phía ông L, bà T cho ông H, bà A vay số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ngày 28/5/2021, hai bên tiếp tục lập Hợp đồng vay tài sản số công chứng 5739, quyển số 05/2021 TPCC-SCC/HĐGD cũng tại Văn phòng công chứng trên với số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ông H và bà A đã trả cho ông L và bà T số tiền gốc là: 100.000.000 (Một trăm triệu đồng). Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý và xác nhận số nợ gốc còn nợ nguyên đơn là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, hiện nay do bị đơn đang khó khăn về kinh tế cho nên xin nguyên đơn cho bị đơn được trả dần khoản nợ gốc và yêu cầu không tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đồng ý cấn trừ số tiền lãi đã thanh toán vượt quá quy định pháp luật vào số tiền nợ gốc. Nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn còn lại tạm tính đến ngày 21/6/2023 như sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng vay tài sản số 2910 ngày 29/3/2021:

Lãi trong hạn (Theo Hợp đồng): 300.000.000 đồng x 2.5% x 12 tháng = 90.000.000 đồng.

Lãi trong hạn theo quy định pháp luật: 300.000.000 đồng x 1.66% x 12 tháng = 59.760.000 đồng.

Chênh lệch tiền lãi được trừ vào gốc như sau: 300.000.000 đồng - (90.000.000 đồng - 59.760.000 đồng) = 269.760.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc còn lại là: 269.760.000 đồng; lãi quá hạn là: 269.760.000 đồng x 2.49% x 14 tháng 22 ngày = 98.964.136 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng vay tài sản số 5739 ngày 28/5/2021:

Lãi trong hạn theo Hợp đồng: 400.000.000 đồng x 2.5% x 12 tháng = 120.000.000 đồng.

Lãi trong hạn theo quy định pháp luật: 400.000.000 đồng x 1.66% x 12 tháng = 79.680.000 đồng.

Chênh lệch tiền lãi được trừ vào gốc như sau: 400.000.000 đồng - (120.000.000 đồng - 79.680.000 đồng) = 359.680.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc còn lại là 359.680.000 đồng; lãi quá hạn là: 359.680.000 đồng x 2.49% x 12 tháng 23 ngày = 114.338.643 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc của hai hợp đồng là: 629.440.000 đồng, lãi quá hạn phải thanh toán của hai hợp đồng là: 213.302.779 đồng. Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bị đơn xác nhận số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn đúng như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin nguyên đơn cho bị đơn được trả dần nợ gốc và lãi do hiện nay kinh tế của bị đơn đang rất khó khăn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự cho thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng vay tài sản ngày 29/3/2021 và ngày 28/5/2021 đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang, yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án. Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế của bị đơn hiện nay rất khó khăn nên xin nguyên đơn cho bị đơn được trả dần nhiều lần cho đến khi hết nợ và đồng ý duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án. Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền 842.742.779 (Tám trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó: Tiền gốc 629.440.000 (Sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng, lãi quá hạn là: 213.302.779 (Hai trăm mười ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A cùng cư trú tại quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Đức Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Đức Đại.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay tài sản số 2910 ngày 29/3/2021 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang về việc bị đơn vay nguyên đơn số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (theo quy định của pháp luật).

Căn cứ Hợp đồng vay tài sản số 5739 ngày 28/5/2021 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang về việc bị đơn vay nguyên đơn số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (theo quy định của pháp luật).

Tháng 7/2021, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000 đồng và đã thanh toán gần hết tiền lãi trong hạn theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Do thỏa thuận lãi suất nêu trên vi phạm quy định của pháp luật nên nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền lãi bị đơn đã thanh toán vượt quá vào số nợ gốc theo mức lãi suất trong hạn là 1,66%/tháng. Nay nguyên đơn xác định số tiền theo hai hợp đồng trên tạm tính đến ngày 21/6/2023 như sau:

Số tiền gốc và lãi theo hợp đồng số 2910 ngày 29/3/2021 như sau:

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng – 30.240.000 đồng (số tiền lãi vượt quá) = 269.760.000 đồng.

Số tiền lãi quá hạn: 269.760.000 đồng x 2.49% (1,66% x 150%) x 14 tháng 22 ngày = 98.964.136 đồng.

Số tiền gốc và lãi theo hợp đồng số 5739 ngày 28/5/2021 như sau:

Số tiền gốc: 400.000.000 đồng – 40.320.000 đồng (số tiền lãi vượt quá) = 359.680.000 đồng.

Số tiền lãi quá hạn: 359.680.000 đồng x 2.49% (1,66% x 150%) x 12 tháng 23 ngày = 114.338.643 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi theo hai hợp đồng là 842.742.779 (Tám trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó: Tiền gốc 629.440.000 (Sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng, lãi quá hạn là: 213.302.779 (Hai trăm mười ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng.

Bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc và lãi đúng như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin được trả dần số tiền trên do hiện nay kinh tế của bị đơn đang rất khó khăn.

Xét thấy, nguyên đơn đồng ý cấn trừ tiền lãi vượt quá đã thanh toán vào số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc sau khi cấn trừ lãi đã thanh toán vào trong nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại. Do đo, căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 11/01/2019 thì yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò V phong tỏa tài sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 560m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 690042, số vào sổ cấp GCN: CS 05952 ngày 12/9/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A. Xét thấy cần duy trì Quyết định này để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà A cho ông L, bà T và để đảm bảo cho việc thi hành án.

Hoàn trả lại số tiền mà ông L, bà T đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm là: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 37.282.283 (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T (Do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 19.338.600 (Mười chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ban hành ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T số tiền của Hợp đồng vay tài sản số 2910 ngày 29/3/2021 và Hợp đồng vay tài sản số 5739 ngày 28/5/2021 với tổng số tiền là: 842.742.779 (Tám trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó: nợ gốc là: 629.440.000 (Sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21/6/2023 là: 213.302.779 (Hai trăm mười ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò V về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản (Mua bán, tặng cho, chuyển nhượng, cho mượn, cho thuê, cho ở nhờ, thế chấp, góp vốn) đối với tài sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 560m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 690042, số vào sổ cấp GCN: CS 05952 ngày 12/9/2022 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông H, bà A đối với khoản tiền vay của ông L, bà T.

Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 10/3/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền nộp, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A phải chịu là: 37.282.283 (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho ông Lê Khả L và bà Nguyễn Thị T (Do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền) số tiền 19.338.600 (Mười chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012313 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Khả L, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận Gò V;
- Chi cục THADS quận Gò V;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền